**Từ điển nhỏ các khái niệm**

**Žákovská knížka (ŽK) /sổ liên lạc -**  ghi điểm, ý kiến và những thông tin khác của phụ huynh

**Notýsek –** giống sổ liên lạc dành cho trẻ nhỏ tuổi

**Známky / Điểm -** từ 1 đến 5, điểm tốt nhất là điểm 1(výborná/xuất sắc), điểm kém nhất là điểm 5(nedostatečná/ không đạt yêu cầu)**,** việc chấm điểm có thể bằng chữ đánh giá sự chăm chỉ, nỗ lực và sự tiến bộ của học sinh cũng như những điểm yếu của em

**Domácí úkol (DÚ)/Bài tập về nhà -** bài ra cho học sinh làm ở nhà và phải có chữ ký của phụ huynh

**Poznámka/ Ý kiến –** nếu có những hành vi không tốt ( nghịch ngợm, láo xược, không nghe lời, quấy phá trong giờ học v.v ), học sinh sẽ bị giáo viên phê vào trong sổ liên lạc, phụ huynh sẽ phải ký tên vào đó để thể hiện rõ ràng rằng họ đã biết và sau đó có khả năng xử lý đối với con mình

**Pochvala / khen thưởng–** với những đóng góp đối với tập thể, thành tích tốt, sự nỗ lực, tiêu biểu đại diện cho trường học sinh sẽ nhận được sự khen thưởng

**Důtka/ khiển trách –** khi lặp lại những vi phạm đến nội qui của trường, học sinh sẽ nhận lời cảnh cáo, (đầu tiên bị giáo viên chủ nhiệm khiển trách, sau đó bị giáo viên chủ nhiệm kỷ luật và cuối cùng kỷ luật của hiệu trưởng trường), ở đây là sự kỷ luật nghiêm khắc và sẽ được ghi vào sổ sách của trường

**Omluvenka / giấy xin phép** – học sinh nghỉ học phải được ghi vào sổ liên lạc, tại sao nghỉ, phụ huynh phải ký tên và khẳng định, lý do có thể là do bị bệnh hoặc lý do gia đình

**Písemka / bài kiểm tra** – bài viết kiểm tra kiến thức

**Desetiminutovka nebo pětiminutovka/ bài kiểm tra mười phút hoặc năm phút –** bài kiểm tra viết ngắn

**Diktát / bài chính tả–** bài viết kiểm tra kiến thức chính tả, học sinh sẽ được đọc và sau đó chép lại

**Zkoušení / Thi -** kiểm tra miệng

**Những khái niệm mang tính tổ chức**

**Školní družina –** khi tan học, trẻ em nhỏ tuổi hơn ( cấp 1) sẽ vào nhà giữ trẻ, ở đó trẻ được chơi và học các môn ngoại khóa .

**Kroužky, volnočasové aktivity / các hoạt động ngoại khóa–** hết buổi học, đa số các trường đều có các môn học ngoại khóa, học sinh có thể đăng ký vào đầu các kỳ học, có thể là các môn như tạo hình, thể thao, khoa học tự nhiên và các hoạt động khác

**Školní jídelna / Căng tin** – nơi học sinh ăn uống, bữa trưa thì phải trả tiền

**Třídní učitel / giáo viên chủ nhiệm –** mỗi lớp học có 1 giáo viên chủ nhiệm, là người sẽ chăm lo cho lớp đó, giải quyết việc tổ chức và quản lý các vấn để của học sinh, là người làm việc như một cầu nối trung gian giữa gia đình và nhà trường. Nếu có bất kỳ thắc mắc hoặc có vấn đề gì, phụ huynh có thể liên lạc với giáo viên chủ nhiệm.

**Ředitel / Hiệu trưởng** – lãnh đạo trường học, giải quyết các vấn đề về tổ chức , quản lý của trường và chịu trách nhiệm về sự hoạt động của cả trường.

**Výchovný poradce (na ZŠ) / Cố vấn giáo dục** – là người cùng với lãnh đạo nhà trường, giáo viên các lớp giải quyết các vấn đề về kỷ luật cũng như thành tích, đảm bảo và phối hợp việc giáo dục riêng lẻ của những học sinh cần sự giáo dục đặc biệt ( như học sinh nước ngoài chưa biết tiếng Séc) và giúp đỡ việc chọn trường trung học.

**Vysvědčení / Bảng đánh giá –** giấy chứng nhận về thành tích và hạnh kiểm của học sinh sau mỗi học kỳ

**Třídní schůzky / Họp lớp** – đa số tiến hành trong mỗi học kỳ để phụ huynh có thể thảo luận về thành tích và hạnh kiểm của con mình.

**Prázdniny – volno / Các kỳ nghỉ –** nghỉ học( xem phần quản lý trường học )

**Ředitelské volno / Ngày hiệu trưởng –** hiệu trưởng tuyên bố tối đa 5 ngày trong một năm

**Výlet / Giã ngoại –** chuyến đi được tổ chức ngoài trường học

**Individuální vzdělávací plán (IVP) / kế hoạch giáo dục riêng biệt –** khi cần thiết nhà trường soạn thảo IVP theo yêu cầu của phụ huynh đối với những nhu cầu giáo dục khác nhau của từng học sinh

**Vyrovnávací plán (VP)** – je obdobou IVP, která je přímo pro žáky cizince (žáky s odlišným mateřským jazykem)

**Kế hoạch cân bằng** – tương tự như IVP (kế hoạch giáo dục cá nhân), dành riêng cho học sinh người nước ngoài ( học sinh với tiếng mẹ đẻ khác)

**Pedagogicko-psychologická poradna (PPP)** – poradenské zařízení školy, nabízí psychologickou a speciálně pedagogickou diagnostiku dětí s ohledem na věk, školní zařazení dítěte, jeho vývoj a případné obtíže. Zjišťují školní zralost (v souvislosti s doporučováním odkladu školní docházky či předčasného nástupu do školy), diagnostikují příčiny školní neúspěšnosti, specifických poruch učení a chování a dalších školních obtíží; nabízí pomoc při zvládání některých výukových obtíží, pomoc při adaptačních nesnázích během nástupu do ZŠ.

**Phòng tư vấn giáo dục và tâm lý (PPP) –** phòng tư vấn của trường cung cấp chuẩn đoán tâm lý, đặc biệt sư phạm trẻ em liên quan đến lứa tuổi, như tuổi đi học, những khó khăn và tiền năng trong phát triển của trẻ. Sát khảo học thức (liên quan đến vấn đề cho trẻ đi học sớm hay muộn hơn), chuẩn đoán nguyên nhân học kém, những bệnh đặc biệt liên quan đến thiếu tập trung, rối loạn hành vi và một số khó khăn khác. Phòng cung cấp giúp đỡ rèn luyện những khó khăn trong học tập, hỗ trợ trong quá trình thích nghi khi mới nhâp trường phổ thông.

**Speciálně pedagogické centrum (SPC)** – poradenské zařízení školy, poskytuje poradenské služby žákům se zdravotním postižením a žákům se zdravotním znevýhodněním integrovaných ve školách

**Trung tâm giáo dục đặc biệt (SPC) –** trung tâm của trường, cung cấp dịch vụ tư vấn cho cho các em học sinh tàn tật và các học sinh có khuyết tật được gia nhập vào các trường tổng hợp.